SỞ TN & MT QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 221/BC-TTQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình xâm nhập mặn đợt 2 tháng 8 năm 2022

Thực hiện Quyết định số 205/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về chương trình Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2022, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tiến hành quan trắc xâm nhập mặn đợt 2 tháng 8 năm 2022 (từ ngày 09 - 10/8/2022) trên các sông Thạch Hãn, sông Hiếu, sông Bến Hải và sông Sa Lung. Được sự ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm báo cáo kết quả như sau:

Trước thời điểm quan trắc, trên địa bàn tỉnh có mưa lớn dẫn đến kết quả quan trắc xâm nhập mặn đợt 2 tháng 8 năm 2022 tại hầu hết các điểm quan trắc trên sông Thạch Hãn, sông Hiếu, sông Bến Hải và sông Sa Lung giảm so với đợt 1 tháng 8 năm 2022 (ngày 02 - 03/8/2022).

1. Trên sông Thạch Hãn: Xâm nhập mặn đã tác động đến khu vực chân đập Trấm, tại đây độ mặn nước sông dao động từ 0,72 - 1,0‰; Khu vực trung tâm thị xã Quảng Trị, độ mặn dao động từ 1,8 - 2,6‰; Tại cầu An Mô, độ mặn dao động từ 6,2 - 8,4‰; Khu vực cầu Đại Lộc, độ mặn dao động từ 13,0 - 15,4‰.

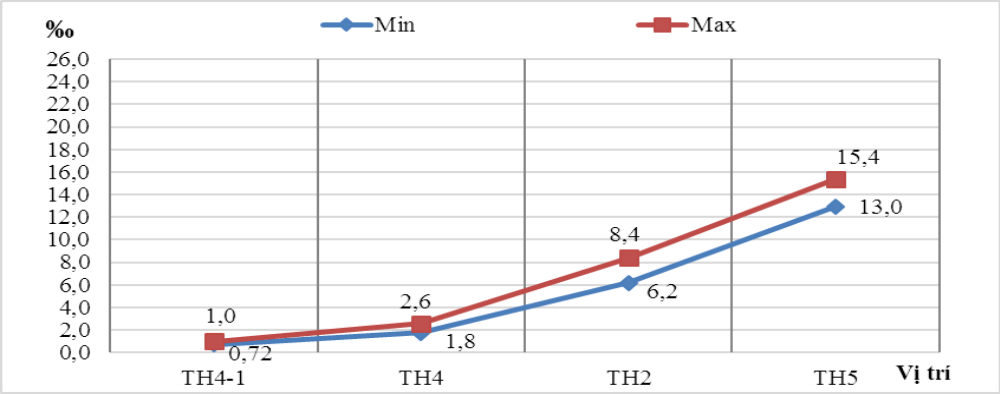

Hình 1: Biểu đồ độ mặn trên sông Thạch Hãn

2. Trên sông Hiếu: Xâm nhập mặn đã tác động đến khu vực chân đập ngăn mặn. Tại khu vực trạm thủy văn Đông Hà, độ mặn dao động từ 7,9 - 10,0‰; Điểm cách cầu Đông Hà 500m về phía hạ lưu, độ mặn dao động từ 16,1 - 18,5‰.

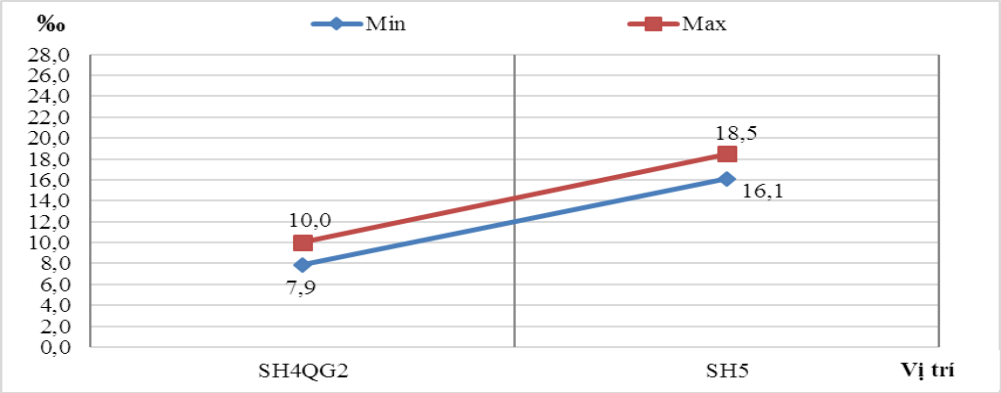

Hình 2: Biểu đồ độ mặn trên sông Hiếu

3. Trên sông Bến Hải: Xâm nhập mặn đã tác động đến khu vực cách cầu Tiên An khoảng 7km về phía thượng lưu, độ mặn đo được tại đây dao động từ 5,0 - 6,8‰. Tại cầu Tiên An độ mặn dao động từ 10,8 - 13,5‰; Điểm cách cầu Hiền Lương 2km về phía thượng lưu, độ mặn dao động từ 14,0 - 16,4‰; Điểm cách cầu Hiền Lương 5km về phía hạ lưu, độ mặn dao động từ 19,2 - 21,5‰.

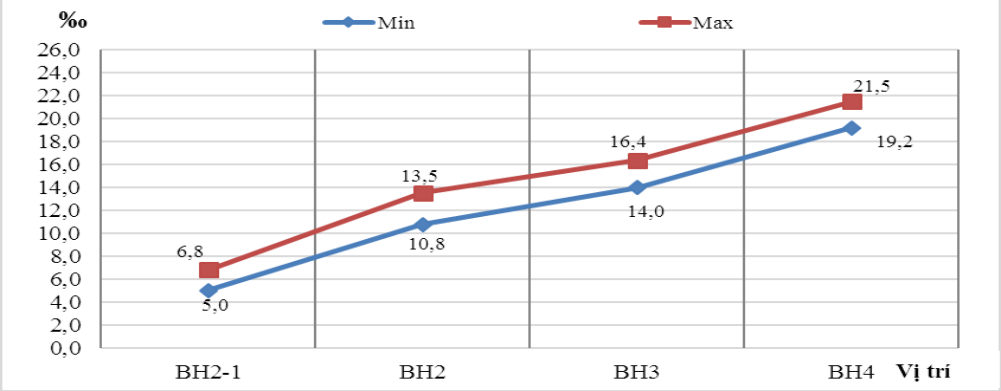

Hình 3: Biểu đồ độ mặn trên sông Bến Hải

4. Trên sông Sa Lung: Xâm nhập mặn đã tác động đến khu vực chân đập ngăn mặn, độ mặn tại đây dao động từ 6,1 - 7,9‰; Tại cầu đường sắt Sa Lung độ mặn dao động từ 8,3 - 10,3‰; Tại khu vực cách cầu Hiền Lương 2km về phía thượng lưu, độ mặn dao động từ 11,3 - 14,1‰.

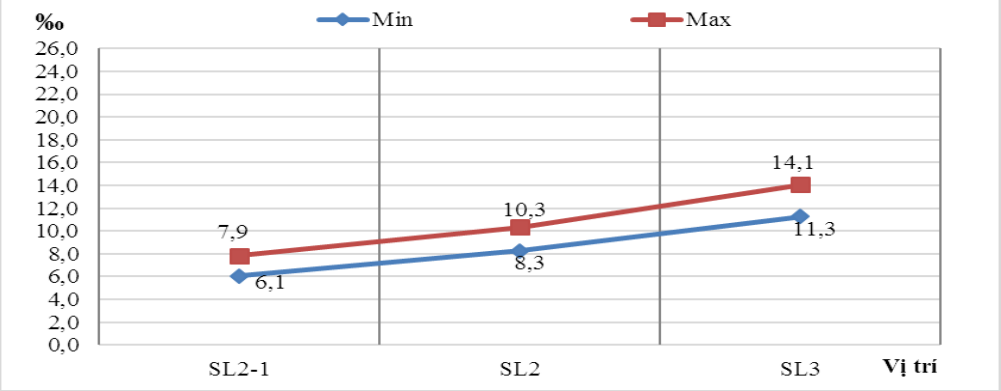

Hình 4: Biểu đồ độ mặn trên sông Sa Lung
(Có phụ lục kết quả quan trắc kèm theo)

Trên đây là kết quả quan trắc xâm nhập mặn đợt 2 tháng 8 năm 2022, Trung tâm kính báo cáo UBND tỉnh, sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan để theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- Sở NN&PTNN;
- CCBVMT;
- UBND các huyện: V.Linh, G.Linh, C.Lộ, T.Phong, TX Q.Trị TP Đông Hà;

(Báo cáo);

- Sở TT&TT;
- Báo Quảng Trị;
- Trung tâm IOC tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Đài KTTV tỉnh;
- Website sở TNMT;

(Đưa tin).

- LĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, QT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Lê Văn Phú

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: 221 /BC-TTQT ngày 10 tháng 8 năm 2022)

1. Kết quả quan trắc xâm nhập mặn hệ thống sông Thạch Hãn

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)					
			SÔNG THẠCH HÃN				SÔNG HIẾU	
			TH4-1	TH4	TH2	TH5	SH4QG2	SH5
1	07h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,06	1,0	4,1	8,1	2,9	8,6
2		Tầng giữa	1,1	2,1	7,6	15,4	8,7	19,1
3		Tầng đáy	1,2	4,2	14,2	19,7	16,2	22,2
4		*Bình quân thủy trực*	*0,87*	*2,4*	*8,4*	*14,7*	*9,1*	*17,3*
5	09h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,08	1,1	4,5	8,6	3,4	9,9
6		Tầng giữa	1,2	2,3	8,1	16,3	9,1	19,8
7		Tầng đáy	1,4	4,6	12,8	20,3	16,9	22,8
8		*Bình quân thủy trực*	*1,0*	*2,6*	*8,4*	*15,4*	*9,6*	*18,1*
9	11h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,07	1,0	4,3	8,4	3,7	9,7
10		Tầng giữa	1,1	2,1	7,4	16,0	9,9	19,4
11		Tầng đáy	1,3	4,2	12,2	19,9	16,6	22,6
12		*Bình quân thủy trực*	*0,89*	*2,4*	*7,8*	*15,1*	*10,0*	*17,8*
13	13h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,06	0,88	4,0	7,8	3,3	9,4
14		Tầng giữa	1,1	1,9	6,8	15,2	9,2	19,0
15		Tầng đáy	1,2	3,7	11,4	19,0	16,0	21,2
16		*Bình quân thủy trực*	*0,87*	*2,1*	*7,3*	*14,3*	*9,4*	*17,2*

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)					
			SÔNG THẠCH HÃN				SÔNG HIẾU	
			TH4-1	TH4	TH2	TH5	SH4QG2	SH5
17	15h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,05	0,81	3,4	7,3	2,8	7,8
18		Tầng giữa	1,0	1,6	6,2	14,2	8,6	18,3
19		Tầng đáy	1,1	3,4	10,5	18,1	15,3	20,8
20		*Bình quân thủy trực*	*0,79*	*1,9*	*6,6*	*13,5*	*8,8*	*16,3*
21	17h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,06	0,85	3,6	7,7	2,5	8,2
22		Tầng giữa	1,1	1,7	6,6	14,8	8,8	19,1
23		Tầng đáy	1,2	3,5	10,8	18,6	15,8	22,1
24		*Bình quân thủy trực*	*0,87*	*1,9*	*6,9*	*14,0*	*9,0*	*17,1*
25	19h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,08	1,1	4,2	8,4	2,7	8,6
26		Tầng giữa	1,2	1,8	7,3	15,2	8,9	20,3
27		Tầng đáy	1,2	3,9	11,2	19,5	16,4	23,7
28		*Bình quân thủy trực*	*0,92*	*2,2*	*7,5*	*14,6*	*9,2*	*18,2*
29	21h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,11	1,2	4,8	8,8	3,2	8,9
30		Tầng giữa	1,2	2,1	8,0	16,0	9,4	20,6
31		Tầng đáy	1,3	4,3	12,1	20,7	16,6	23,9
32		*Bình quân thủy trực*	*1,0*	*2,4*	*8,2*	*15,4*	*9,7*	*18,5*
33	23h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	0,10	1,1	4,5	8,2	3,0	8,2
34		Tầng giữa	1,1	2,0	7,2	15,3	8,9	20,0
35		Tầng đáy	1,2	4,0	11,2	19,5	15,6	22,6
36		*Bình quân thủy trực*	*0,88*	*2,3*	*7,5*	*14,6*	*9,1*	*17,7*

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)					
			SÔNG THẠCH HÃN				SÔNG HIẾU	
			TH4-1	TH4	TH2	TH5	SH4QG2	SH5
37	01h00 (Ngày 10/8/2022)	Tầng mặt	0,08	1,0	3,8	7,5	2,6	7,4
38		Tầng giữa	1,0	1,8	6,4	14,2	8,2	19,1
39		Tầng đáy	1,1	3,6	10,4	18,8	15,0	21,2
40		*Bình quân thủy trực*	*0,80*	*2,1*	*6,8*	*13,7*	*8,5*	*16,7*
41	03h00 (Ngày 10/8/2022)	Tầng mặt	0,07	0,91	3,2	7,0	2,2	7,1
42		Tầng giữa	0,86	1,5	5,7	13,4	7,4	18,3
43		Tầng đáy	1,1	3,1	10,1	18,0	14,5	20,8
44		*Bình quân thủy trực*	*0,7*	*1,8*	*6,2*	*13,0*	*7,9*	*16,1*
45	05h00 (Ngày 10/8/2022)	Tầng mặt	0,09	1,0	3,7	7,5	2,5	7,8
46		Tầng giữa	1,0	1,6	6,3	14,0	7,8	18,8
47		Tầng đáy	1,2	3,7	10,6	18,4	14,8	21,4
48		*Bình quân thủy trực*	*0,82*	*2,0*	*6,7*	*13,5*	*8,2*	*16,7*

2. *Kết quả quan trắc xâm nhập mặn hệ thống sông Bến Hải*

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)						
			SÔNG BẾN HẢI				SÔNG SA LUNG		
			BH2-1	BH2	BH3	BH4	SL2-1	SL2	SL3
1	07h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	1,9	7,4	8,7	12,9	4,3	5,0	7,9
2		Tầng giữa	6,6	13,7	17,3	20,5	6,9	9,6	12,3
3		Tầng đáy	9,8	15,2	21,6	26,4	11,0	13,1	18,7
4		*Bình quân thủy trực*	*6,2*	*12,5*	*16,2*	*20,1*	*7,3*	*9,3*	*12,8*
5	09h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	2,2	7,8	8,3	13,3	4,6	5,4	8,2
6		Tầng giữa	6,8	14,1	16,6	20,9	7,3	9,9	12,6
7		Tầng đáy	9,9	15,7	22,3	26,8	11,4	13,7	19,1
8		*Bình quân thủy trực*	*6,4*	*12,9*	*16,0*	*20,5*	*7,7*	*9,7*	*13,1*
9	11h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	2,5	8,0	8,5	13,6	4,7	5,6	8,5
10		Tầng giữa	7,0	14,4	17,2	21,2	7,5	10,3	12,9
11		Tầng đáy	10,1	16,1	22,5	27,1	11,5	13,9	19,4
12		*Bình quân thủy trực*	*6,7*	*13,2*	*16,4*	*20,8*	*7,8*	*10,0*	*13,4*
13	13h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	2,3	7,6	7,9	13,4	4,5	5,3	8,3
14		Tầng giữa	6,7	14,0	16,4	21,0	7,1	10,1	12,7
15		Tầng đáy	9,8	15,8	21,7	26,3	11,1	13,5	19,2
16		*Bình quân thủy trực*	*6,4*	*12,9*	*15,6*	*20,4*	*7,5*	*9,8*	*13,2*
17	15h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	1,9	7,1	7,2	13,2	4,4	5,1	8,1
18		Tầng giữa	6,2	13,5	15,7	20,8	6,8	9,8	12,5
19		Tầng đáy	9,5	15,4	20,1	26,0	10,7	13,4	18,9
20		*Bình quân thủy trực*	*6,0*	*12,4*	*14,7*	*20,2*	*7,2*	*9,5*	*13,0*

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)						
			SÔNG BẾN HẢI				SÔNG SA LUNG		
			BH2-1	BH2	BH3	BH4	SL2-1	SL2	SL3
21	17h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	1,6	6,3	6,8	12,9	4,1	4,9	7,9
22		Tầng giữa	5,8	13,0	14,9	20,6	6,6	9,7	12,3
23		Tầng đáy	9,0	15,1	19,2	25,5	10,1	13,2	18,6
24		*Bình quân thủy trực*	*5,6*	*11,9*	*14,0*	*19,9*	*6,9*	*9,4*	*12,8*
25	19h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	1,8	7,2	7,9	13,4	4,4	5,2	8,2
26		Tầng giữa	6,1	13,4	15,5	20,9	6,8	9,9	12,6
27		Tầng đáy	9,4	15,5	19,8	25,8	10,6	13,5	18,8
28		*Bình quân thủy trực*	*5,9*	*12,4*	*14,7*	*20,3*	*7,2*	*9,6*	*13,1*
29	21h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	2,1	7,6	8,3	13,8	4,7	5,6	8,7
30		Tầng giữa	6,5	13,9	16,6	21,3	7,1	10,2	13,3
31		Tầng đáy	9,9	16,0	20,3	26,0	11,2	13,8	19,4
32		*Bình quân thủy trực*	*6,3*	*12,9*	*15,5*	*20,6*	*7,5*	*10,0*	*13,7*
33	23h00 (Ngày 09/8/2022)	Tầng mặt	2,7	8,3	8,8	14,2	4,8	5,8	8,9
34		Tầng giữa	7,1	14,6	17,4	22,2	7,5	10,7	13,9
35		Tầng đáy	10,3	16,5	21,5	27,3	11,6	14,1	19,6
36		*Bình quân thủy trực*	*6,8*	*13,5*	*16,3*	*21,5*	*7,9*	*10,3*	*14,1*
37	01h00 (Ngày 10/8/2022)	Tầng mặt	2,5	7,4	8,1	13,6	4,4	5,2	8,1
38		Tầng giữa	6,4	14,1	16,7	21,0	6,8	10,3	12,5
39		Tầng đáy	9,4	15,2	20,7	26,5	11,0	13,2	19,0
40		*Bình quân thủy trực*	*6,2*	*12,7*	*15,6*	*20,5*	*7,3*	*9,8*	*13,0*

TT	THỜI GIAN	VỊ TRÍ/ DẠNG MẪU	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Đơn vị tính ‰)						
			SÔNG BẾN HẢI				SÔNG SA LUNG		
			BH2-1	BH2	BH3	BH4	SL2-1	SL2	SL3
41	03h00 (Ngày 10/8/2022)	Tầng mặt	2,1	6,6	7,2	13,0	4,0	4,6	8,3
42		Tầng giữa	5,8	13,3	16,0	20,2	6,1	9,2	11,5
43		Tầng đáy	9,0	14,4	20,1	26,0	10,3	12,4	18,2
44		*Bình quân thủy trực*	*5,7*	*11,9*	*14,8*	*19,9*	*6,6*	*8,9*	*12,4*
45	05h00 (Ngày 10/8/2022)	Tầng mặt	1,7	6,0	6,4	12,3	3,6	4,1	6,9
46		Tầng giữa	5,1	12,0	15,3	19,6	5,5	8,7	10,3
47		Tầng đáy	8,2	13,1	19,2	25,2	9,7	11,6	17,6
48		*Bình quân thủy trực*	*5,0*	*10,8*	*14,1*	*19,2*	*6,1*	*8,3*	*11,3*

Ghi chú:

TH4-1: Đập Trấm thị xã Quảng Trị.
TH4: Trung tâm thị xã Quảng Trị.
TH2: Cầu An Mô - TT Ái Tử.
TH5: Tại cầu Đại Lộc - xã Triệu Thuận.
SH4QG2: Trạm thuỷ văn Đông Hà.
SH5: Điểm cách cầu Đông Hà 500m về phía hạ lưu.
BH2-1: Điểm cách Cầu Tiên An khoảng 7km về phía thượng lưu - Sông Bến Hải.
BH2: Cầu Tiên An - Sông Bến Hải.
BH3: Cách cầu Hiền Lương về phía thượng lưu 2 km.
BH4: Cách cầu Hiền Lương 5 km về phía hạ lưu - Sông Bến Hải.
SL2-1: Tại chân đập ngăn mặn Sa Lung.
SL2: Điểm tại cầu sắt sông Sa Lung.
SL3: Cách điểm giao nhau với sông Bến Hải 2km về phía thượng lưu, sông Sa Lung.